TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-ST
Ngày 08-10-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Trang Phượng.

Ông Nguyễn Quốc Thống.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Tú Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Ngày 08 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2020/TLST - DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST – DS ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lương Hồng V, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: A, LK, khóm B, phường P, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Lê Phi S, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp BD, xã TG, huyện NC, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lương Hồng V trình bày: Ông là chủ sở hữu 01 xe cuốc hiệu KOBENCO 03 và 01 chiếc phà mua năm 2017 tổng giá trị bằng 440.000.000 đồng. Ngày 30/9/2019 ông và anh S có ký hợp đồng hợp tác thi công nhưng không có công trình để thi công. Đến ngày 01/01/2020 hai bên thỏa thuận anh S mua lại xe cuốc và phà nêu trên với tổng giá bán bằng 145.000.000 đồng, trừ tiền sửa và tiền đặc cọc tổng 41.000.000 đồng, còn lại 104.000.000 đồng, thời gian tính lãi suất từ ngày 01/01/2020 đến tháng 5/2020 là 5.000.000 đồng. Tổng vốn và lãi bằng 109.000.000 đồng. Sau đó nhiều lần ông liên hệ nhận lại số tiền 109.000.000 đồng nhưng anh S hứa hẹn và cũng không thực hiện việc trả tiền. Do đó, nay ông kiện anh S để đòi lại 109.000.000 đồng. Ngoài ra ông không có ý kiến, yêu cầu gì

thêm.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Phi S không có ý kiến gì đối với nội dung nguyên đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của anh S được Tòa án tống đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không rõ lý do; ông V vắng mặt có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Nguyên đơn khởi kiện cho rằng ngày 30/9/2019 ông và anh S có ký hợp đồng hợp tác thi công, ông giao cho anh S 01 xe cuốc hiệu KOBENCO 03 và 01 chiếc phà vỏ thép. Đến ngày 01/01/2020 hai bên tiếp tục làm bản phụ lục hợp đồng hợp tác, thỏa thuận anh S mua lại xe cuốc và phà nêu trên với tổng giá bán bằng 145.000.000 đồng, trừ tiền sửa xe 21.000.000 đồng và tiền đặc cọc 20.000.000 đồng, còn lại 104.000.000 đồng đến nay không thanh toán cho ông. Chứng cứ nguyên đơn ông V giao nộp cho Tòa án chứng minh có sự việc ông trình bày như trên là đúng bao gồm: Hợp đồng hợp tác thi công ngày 30/9/2019 giữa ông V và anh S thể hiện nội dung như ông V trình bày; giấy giao nhận xe ngày 30/9/2019 thể hiện nội dung ông V giao cho anh S quản lý 01 xe cuốc hiệu KOBENCO 03 làm chia hai…thời gian thực hiện 06 tháng kể từ ngày giao; phụ lục của hợp đồng hợp tác ngày 01/01/2020 giữa ông V và anh S thể hiện nội dung anh S mua lại xe cuốc và phà nêu trên với tổng giá bán bằng 145.000.000 đồng, trừ tiền sửa xe 21.000.000 đồng và tiền đặc cọc 20.000.000 đồng, còn lại 104.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của ông V tại Ngân hàng BIDV CN Cà Mau, tiền lãi suất từ ngày 01/01/2020 đến tháng 5/2020 là 5.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi anh S phải trả 109.000.000 đồng; Biên nhận ngày 01/01/2020 thể hiện nội dung anh Lê Phi S nhận 01 xe cuốc hiệu KOBENCO 03 và 01 chiếc phà vỏ thép mua của ông Lương Hồng V. Ngoài ra, khi ông V khởi kiện tại Tòa án đòi lại tiền nợ 109.000.000 đồng thì anh S biết nhưng cho đến nay không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này cho thấy anh S đồng ý nội dung nguyên đơn khởi kiện. Do đó, nay nguyên đơn kiện đòi lại số tiền 109.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật số tiền 5.450.000 đồng (109.000.000 đồng x 5%). Ông V là người cao tuổi được miễn dự nộp án phí nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 453, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V. Buộc anh Lê Phi S phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lương Hồng V số tiền 109.000.000 đồng (Một trăm lẽ chín triệu đồng).

2. Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Án phí dân sự Lê Phi S phải chịu 5.450.000 đồng (chưa nộp).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- CCTHADS huyện Năm Căn;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên